

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP
IDICO CORPORATION - JSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 176/TB-TCT
No: 176/ TB-TCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2026
HCM City, August 28th, 2026

THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP/GIẤY
PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG/GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
CHANGE IN CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION/LICENSE OF
ESTABLISHMENT AND OPERATION/LICENSE OF OPERATION

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302177966 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 27/08/2026 và Giấy xác nhận số 741164/26 ngày 27/8/2026 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty chúng tôi như sau:

Based on the Certificate of business registration No 0302177966 amended for the 10th time on 27/08/2026 and Enterprise Registration Confirmation No.741164/26 dated 27/08/2026, regarding changes to the enterprise registration information, issued by the Department of Finance of Ho Chi Minh City, we would like to announce the change in the Certificate of business registration and Enterprise Registration Confirmation as follows:

- Tên tổ chức/Name of organization: Tổng công ty IDICO - CTCP/IDICO Corporation - JSC
- Mã chứng khoán/Stock code: IDC
- Địa chỉ/Address: 151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh/
151A Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City
- Điện thoại liên hệ/Tel.: 0283. 8438883 Fax: 0283.9312705
- E-mail: headoffice@idico.com.vn
- Website: www.idico.com.vn

1. Thông tin trước khi thay đổi/Information before change:
 - Vốn điều lệ/Charter capital: 3.794.988.230.000 đồng/dong



- Tổng số cổ phần/*Total number of shares*: 379.498.823

- Mã ngành 6810: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê/*Real estate business, land use rights owned, used or leased*.

Chi tiết: Đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư tập trung; cho thuê văn phòng, nhà xưởng; mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; cho thuê và vận hành nhà ở và đất ở; cho thuê và vận hành nhà và đất không để ở; kinh doanh bất động sản khác; mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; kinh doanh bất động sản khác/ *Details: Investment in construction and development of housing projects, urban technical infrastructure, industrial parks, economic zones and concentrated residential areas; leasing of offices and factories; purchase and sale of residential houses and residential land use rights; purchase and sale of nonresidential buildings and land use rights relating thereto; leasing and operation of residential houses and residential land; leasing and operation of nonresidential buildings and land; other real estate business activities; leasing, operation and management of residential houses and residential land; leasing, operation and management of nonresidential buildings and land; and other real estate business activities.*

2. Thông tin sau khi thay đổi/*Information after change*:

- Vốn điều lệ/*Charter capital*: 4.174.468.640.000 đồng/dong

- Tổng số cổ phần/*Total number of shares*: 417.446.864

- Mã ngành 6810: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê/*Real estate business, land use rights owned, used or leased*.

Chi tiết: Đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư tập trung; cho thuê văn phòng, nhà xưởng; mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; cho thuê và vận hành nhà ở và đất ở; cho thuê và vận hành nhà và đất không để ở; kinh doanh bất động sản khác/ *Details: Investment in construction and development of housing projects, urban technical infrastructure, industrial parks, economic zones and concentrated residential areas; leasing of offices and factories; purchase and sale of residential houses and residential land use rights; purchase and sale of nonresidential buildings and land use rights relating thereto; leasing and operation of residential houses and residential land; leasing and operation of nonresidential buildings and land; other real estate business activities.*

3. Lý do thay đổi (nếu có)/*Reason for change (if any)*: Phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu và hiệu đính chi tiết mã ngành kinh doanh 6810/*Issuance of additional shares to pay dividends to existing shareholders and amend the details of Business Line Code 6810*.

4. Ngày có hiệu lực/*Effective date*: 27/08/2026.

5. Ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/*Date of receiving the Certificate of business registration and Enterprise Registration Confirmation*: 28/08/2026.

6. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty IDICO – CTCP vào ngày 28/08/2026 tại đường dẫn <https://www.idico.com.vn>, mục “Quan hệ nhà đầu tư”.

This information was published on IDICO Corporation - JSC's website on 28/08/2026, at <https://www.idico.com.vn> under the 'Investor Relations' section.

* Tài liệu đính kèm/Attached documents:  Đại diện tổ chức

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới/New Certificate/License

Organization representative

Người UQ CBTT/Person authorized to disclose information

- Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/New Enterprise Registration Confirmation

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/VICE GENERAL DIRECTOR



NGUYỄN VIỆT TUẤN





DEPARTMENT OF FINANCE OF
HO CHI MINH CITY
BUSINESS REGISTRATION OFFICE

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

ENTERPRISE REGISTRATION CERTIFICATE
JOINT STOCK COMPANY

Enterprise code: **0302177966**

First registration: June 30, 2010

10th amendment registration: August 27, 2026

1. Company name

- Company name in Vietnamese: **TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP**
- Company name in foreign language: **IDICO CORPORATION - JSC**
- Abbreviated company name: **IDICO**

2. Head office address

151A Nguyen Dinh Chieu, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: 028 3843 8883

Fax: 028 3931 2705

Email: headoffice@idico.com.vn

Website: www.idico.com.vn

3. Charter capital

- Charter capital: **VND 4.174.468.640.000**
- In words: *Four Trillion One Hundred Seventy-Four Billion Four Hundred Sixty-Eight Million Six Hundred Forty Thousand Vietnamese Dongs*
- Par value per share: VND 10,000
- Total number of shares: 417,446,864

4. Legal representative of the company

- Full name: **DANG CHINH TRUNG**
- Nationality: Vietnamese
- Personal identification number: 040059007082
- Title: **General Director**
- Contact address: OP-4002 Opal, Saigon Pearl, 92 Nguyen Huu Canh, Quarter 15, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Gender: Male
- Date of birth: November 10, 1959

FOR THE HEAD OF DIVISION

DEPUTY HEAD

(signed)

Phan Thi Ngoc Hien

**DEPARTMENT OF FINANCE OF
HO CHI MINH CITY
BUSINESS REGISTRATION OFFICE**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness**

Ho Chi Minh City, 27 August 2026

No. 741164/26

CERTIFICATE OF CHANGES TO ENTERPRISE REGISTRATION CONTENTS

BUSINESS REGISTRATION OFFICE: Ho Chi Minh City

Head Office Address: 90G Tran Quoc Toan Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: 028.38.293.179

Fax No.:

Email:

Website:

Certifies that:

Enterprise name: IDICO CORPORATION – JSC

Enterprise code: 0302177966

has notified the Business Registration Authority of changes to the enterprise registration contents.

The information of the enterprise has been updated in the National Enterprise Registration Information System as follows:

No.	Business Line	Code
1	Installation of other building systems. Details: Installation of machinery, equipment and steel structures serving construction works.	4329
2	Other manufacturing not elsewhere classified. Details: Manufacture of construction materials.	3290
3	Architectural activities and related technical consultancy. Details: Consultancy on investment in industrial projects, civil works, urban infrastructure and industrial parks, hi-tech parks, economic zones and rural residential areas, including: preparation and appraisal of investment projects; design of water	7110

	supply and drainage works; hydraulic works; technical infrastructure works; structural design of civil and industrial works; master planning design; architectural design; interior and exterior design; design of civil and industrial works; design of transport works (bridges and roads); supervision of bridge and road construction and completion; consultancy and preparation of regional, master and detailed construction plans; project management.	
4	Technical testing and analysis. Details: Testing of construction materials and soil mechanics.	7120
5	Quarrying of stone, sand, gravel and clay. Details: Exploitation of supplies, raw materials and materials for the construction industry (excluding operations at the head office).	0810
6	Manufacture of construction materials from clay. Details: Processing and manufacture of supplies, raw materials and materials for the construction industry (excluding operations at the head office).	2392
7	Freight transport by road. Details: Road freight transportation business by automobile.	4933
8	Sea and coastal freight water transport. Details: Inland waterway transportation across Vietnam's borders.	5012
9	Service activities incidental to water transportation. Details: Operations of seaports, river ports, wharves and piers (excluding services relating to establishment, operation, maintenance and repair of maritime aids, waterways, fairways and public navigation channels; hydrographic survey services; publication of maritime notices; surveying and charting services; preparation of maritime safety documents; maritime electronic information services).	5222
10	Restaurants and mobile food service activities. Details: Restaurant business (excluding operations at the head office).	5610
11	Collection of hazardous waste. Details: Collection of solid waste and hazardous solid waste (excluding operations at the head office) (excluding direct collection from households).	3812

12	Treatment and disposal of hazardous waste. Details: Transportation and treatment of solid waste and hazardous solid waste (excluding operations at the head office).	3822
13	Wholesale of beverages. Details: Trading in alcoholic beverages (excluding operations at the head office).	4633
14	Organization of conventions and trade promotion. Details: Organizing, promoting and/or managing events.	8230
15	General cleaning of buildings.	8121
16	Manufacture of refractory products (excluding operations at the head office).	2391
17	Manufacture of cement, lime and plaster (excluding operations at the head office).	2394
18	Water collection, treatment and supply.	3600
19	Sewerage and wastewater treatment.	3700
20	Collection of non-hazardous waste (excluding direct collection from households).	3811
21	Treatment and disposal of non-hazardous waste.	3821
22	Demolition.	4311
23	Site preparation (excluding blasting services).	4312
24	Electrical installation.	4321
25	Finishing and completion of construction works.	4330
26	Other specialized construction activities.	4390
27	Wholesale of machinery, equipment and other machine parts. (Excluding the exercise of export rights, import rights and distribution rights in respect of goods under the list of goods subject to market access restrictions applicable to foreign investors and foreign-invested economic organizations in accordance with law.)	4659
28	Inland water freight transport.	5022
29	Warehousing and storage.	5210
30	Cargo handling (excluding air cargo handling).	5224
31	Other transportation support activities (excluding gas liquefaction for transportation and air transport-related activities).	5229
32	Machining; treatment and coating of metals.	2592



	Details: Mechanical processing.	
33	Construction of electric power works. Details: Construction of hydropower projects. (The enterprise does not supply goods or services subject to State monopoly and does not engage in commercial activities involving State monopoly goods and services in accordance with Decree No. 94/2017/ND-CP).	4221
34	Construction of other civil engineering projects. Details: Construction of civil works, industrial works, infrastructure works, power transmission lines and substations. Construction and implementation of projects under new technology pilot programs or scientific research projects.	4299
35	Construction of water supply and drainage works. Details: Construction of hydraulic works.	4222
36	Construction of railway works. Details: Construction of transportation works.	4211
37	Manufacture of concrete and products made from concrete, cement and plaster. Details: Manufacture of concrete and products made from cement and plaster (excluding operations at the head office).	2395
38	Construction of residential buildings.	4101
39	Service activities incidental to railway transportation (excluding gas liquefaction for transportation and excluding railway infrastructure business).	5221
40	Real estate business, land use rights owned, used or leased. Details: Investment in construction and development of housing projects, urban technical infrastructure, industrial parks, economic zones and concentrated residential areas; leasing of offices and factories; purchase and sale of residential houses and residential land use rights; purchase and sale of non-residential buildings and land use rights relating thereto; leasing and operation of residential houses and residential land; leasing and operation of non-residential buildings and land; other real estate business activities.	6810 (Main business line)

41	Installation of water supply and drainage systems, heating and air-conditioning systems. Details: Installation of water supply and drainage systems, heating furnaces and air-conditioning systems (excluding installation of refrigeration equipment using R22 gas in seafood processing and excluding mechanical processing, waste recycling and electroplating activities at the head office).	4322
42	Service activities incidental to road transportation (excluding gas liquefaction for transportation).	5225
43	Primary vocational training. Details: Organization of training, retraining and professional development courses for managers and technical workers; vocational guidance.	8531
44	Construction of non-residential buildings.	4102
45	Scientific research and technological development in the field of engineering sciences and technology. Details: Research, application and transfer of new technologies, information technology and construction technology.	7212
46	Construction of telecommunications and communication works. Details: Construction of postal and telecommunications works.	4223
47	Construction of other utility projects. Details: Renovation, maintenance and restoration of cultural and historical works.	4229
48	Construction of roads. Details: Construction of transportation works.	4212
49	Renting and leasing of motor vehicles. Details: Automobile leasing.	7710
50	Repair and maintenance of electrical equipment.	3314
51	Wholesale of construction materials and installation equipment. Details: Wholesale of supplies, raw materials, materials and installation equipment used in construction.	4673
52	Transmission and distribution of electricity. Details: Sale of electricity to electricity users (excluding electricity transmission, dispatching of the national power system and management of distribution grids; excluding multi-purpose	3513



	hydropower and nuclear power generation).	
53	Other short-stay accommodation activities. Details: Villas or apartments providing short-term accommodation services; guesthouses and inns providing short-term accommodation services (excluding operations at the head office).	5520
54	Hotels and similar accommodation.	5510
55	Wholesale of solid, liquid and gaseous fuels and related products. (Excluding liquefied petroleum gas (LPG) and lubricants; excluding the exercise of export rights, import rights and distribution rights with respect to goods subject to market access restrictions applicable to foreign investors and foreign-invested economic organizations in accordance with law)	4671
56	Intermediary services for real estate activities. Details: Real estate intermediary services (excluding legal services and activities of real estate escrow agents).	6821
57	Business management consultancy activities and other management consultancy activities. Details: Provision of advice, guidance and operational assistance to enterprises and other organizations regarding management issues such as strategic and operational planning, financial decision-making, market objectives and policies, human resources policies, implementation and production schedules, and supervisory planning.	7020
58	Other cleaning activities.	8129
59	Other real estate activities on a fee or contract basis. Details: Consultancy and management of residential houses and residential land use rights; consultancy and management of non-residential houses and land use rights; other real estate activities carried out on a fee or contract basis.	6829
60	Landscape care and maintenance service activities.	8130
61	Production of electricity from renewable energy sources. Details: Hydropower, wind power, solar power, biomass power, hydrogen power generated from renewable energy sources and electricity generated from other renewable energy sources.	3512
62	Office administrative and support activities.	8210

63	Repair and maintenance of machinery and equipment.	3312
64	Call center activities.	8220
65	Activities of agents and brokers involved in business support services not elsewhere classified (excluding financial intermediary activities).	8240
66	The enterprise must comply with regulations of law relating to land, construction, fire prevention and fighting, environmental protection and other applicable legal regulations, and must satisfy the business conditions applicable to conditional business lines.	

Recipients:

- IDICO CORPORATION – JSC. Address:
151A Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan
Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam;
- ;
- Filed at: Vo Thi Hong Nhung.

**For and on behalf of the HEAD OF THE
BUSINESS REGISTRATION OFFICE**

(signed)

PHAN THI NGOC HIEN

